

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀ AN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2020/HS-ST

Ngày: 25-6-2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ AN - CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Công Hưng

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Diệp

Ông Bế Kim Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Hồng Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoà An, Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà An, Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoà An, Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2020/TLST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị V; sinh ngày 16 tháng 7 năm 1986 tại xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên;

Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Xóm T, xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Nông Thị C; Chồng: Hoàng Văn K; con: có 02 con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/4/2020 đến nay; Có mặt.

- Bị hại:

+ Ông Nông Văn T, sinh năm 1980. Có mặt

+ Bà Nông Thị L, sinh năm 1983. Có mặt

Cùng nơi cư trú: Xóm T, xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 26/03/2020, bị cáo Nguyễn Thị V đi xuống suối trước cửa nhà ông Nông Văn T để đuổi vịt. Quan sát thấy vắng người nên bị cáo đã đi lên nhà ông T với mục đích tìm tài sản lấy trộm. Khi lên đến nơi, nhìn thấy mẹ của ông T mở cửa nhà chính đi xuống bếp và sau đó đi ra ngoài, bị cáo lẻn vào nhà rồi đi thẳng vào buồng ngủ của con gái ông T mở tủ quần áo tìm tài sản nhưng không lấy được gì nên tiếp tục đi sang phòng ngủ của hai vợ chồng ông T lục lọi và tìm thấy một tập tiền (Gồm nhiều tờ tiền có mệnh giá khác nhau) mà vợ chồng ông T giấu trong chiếc gối để trên giường ngủ. Bị cáo không đếm lại mà lấy ra rồi cất luôn vào túi quần đang mặc trên người. Sau đó, bị cáo tiếp tục quan sát thấy có một chiếc hòm gỗ đang khoá để ở cạnh giường nên tìm cách mở. Bị cáo đi xuống bếp tìm được một con dao cán nhựa, đầu nhọn rồi dùng cây bung lấy khoá, mở hòm và lấy được thêm trong hòm 02 (Hai) tập tiền mệnh giá 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) và 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), 01 (Một) hộp nhựa hình tròn màu đỏ bên ngoài có in chữ “Kim Tín” trong có đựng 01 sợi dây chuyền vàng có mặt đính đá màu hồng. Sau đó, bị cáo đóng nắp hòm, mang dao xuống bếp cất vào chỗ cũ rồi đi về nhà. Bị cáo cất số tài sản vừa lấy trộm được vào chỗ kệ sách của con gái mà không đếm lại. Đến ngày 27/3/2020, bị cáo đi qua nhà ông T và nhìn thấy Công an đang làm việc. Do lo sợ việc mình lấy trộm tài sản bị phát hiện nên sáng ngày 28/3/2020 bị cáo chủ động sang trả lại toàn bộ số tiền đã lấy được là 17.600.000đ (Mười bảy triệu sáu trăm nghìn đồng), 01 (Một) sợi dây chuyền vàng 02 (Hai) chỉ cho ông T.

Ngày 13/4/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hòa An đã ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản đối với sợi dây chuyền bị cáo đã trộm cắp của ông T, bà L. Tại Kết luận định giá tài sản số 11/KL-ĐGTS ngày 15/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Hòa An đã kết luận sợi dây chuyền màu vàng, có mặt đính đá màu hồng trị giá 9.186.000đ (Chín triệu một trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Bản cáo trạng số 18/CT-VKS-HA ngày 20/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà An, Cao Bằng đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị V về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 12 đến 16 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản".

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại gồm ông Nông Văn T, bà Nông Thị L đều đã được nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm về phần bồi thường thiệt hại.

Về việc xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu hủy 01 (Một) con dao cán nhựa, đầu nhọn là vật chứng của vụ án; Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật và không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Các bị hại ông Nông Văn T, bà Nông Thị L có ý kiến rút lại đơn đề nghị không truy cứu trách nhiệm sự việc đối với bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trách nhiệm hình sự bị cáo theo quy định của pháp luật và áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo; về trách nhiệm dân sự, các bị hại không yêu cầu gì thêm về phần bồi thường thiệt hại.

Tại phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên về tội danh cũng như mức hình phạt; tuy nhiên trong lời nói sau cùng, bị cáo có đưa ra ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hoạt động tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hòa An, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã tuân thủ đúng về trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo đã thực hiện, tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình; lời khai nhận của bị cáo là phù hợp với lời khai của các bị hại và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua đó đã có đầy đủ căn cứ xác định bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản của người khác với tổng giá trị tài sản là 26.786.000đ (Hai mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi với lỗi cố ý; Hành vi của bị

cáo đã xâm phạm trật tự xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trên địa bàn. Với giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt là 26.786.000đ (Hai mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn đồng) đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Sau khi lấy trộm tài sản, bị cáo đã tự nguyện đem trả lại toàn bộ tài sản đã lấy trộm cho bị hại; Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ rõ sự ăn năn, hối cải; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt là tương đối lớn, do vậy cần áp dụng loại hình phạt tù có thời hạn với mức trên khởi điểm của khung hình phạt mới tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; tuy nhiên, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng. Do vậy xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà vẫn đảm bảo mục đích cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo cũng như phòng ngừa chung đối với xã hội.

Ngoài hình phạt chính, tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự còn quy định hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với người phạm tội danh này. Xét thấy bị cáo là người làm nông nghiệp, không có thu nhập ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đều đã được nhận lại tài sản bị thiệt hại và không có yêu cầu gì thêm, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về trách nhiệm dân sự.

[7] Về việc xử lý vật chứng: Đối với 01 (Một) con dao có một lưỡi dao đã han rỉ, nhọn ở đầu, cán dao bằng nhựa, kích thước 50cm x 02cm. Đây là vật chứng có giá trị nhỏ đồng thời chủ sở hữu là ông T, bà L không yêu cầu được hoàn trả lại. Do vậy, cần tịch thu, tiêu hủy là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị V phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị V 15 (Mười năm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 25/6/2020. Giao bị cáo Nguyễn Thị V cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Xác nhận các bị hại ông Nông Văn T, bà Nông Thị L đã được nhận lại tài sản bị thiệt hại là 17.600.000đ (Mười bảy triệu sáu trăm nghìn đồng) và 01 (Một) sợi dây chuyền vàng có mặt đính đá màu hồng.

3. Về việc xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy 01 (Một) con dao có một lưỡi dao đã han rỉ, nhọn ở đầu, cán dao bằng nhựa, kích thước 50cm x 02cm.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án

Bị cáo Nguyễn Thị V phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo, các bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Các bị hại;
- Công an huyện Hòa An;
- VKSND huyện Hoà An;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Chi cục THADS Hòa An;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nông Công Hưng

